



DANH SÁCH

Đề tài NCKH của sinh viên được công nhận kết quả nghiệm thu năm học 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: 708/QĐ-DH-TT, ngày 5 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm/thành viên	Lớp, khoá	Giảng viên hướng dẫn	Xếp loại
1.	Sử dụng công cụ số tương tác trong dạy học lớp 11 thông qua chủ đề hình học không gian	2025.SV.01	CN: Nguyễn Tiến Nam TV: Nguyễn Đức Thành	ĐHSP Toán B Khoá (2023 - 2027); ĐHSP Toán Khoá (2024 - 2028)	TS. Lê Anh Nhật	A
2.	Tìm lời giải bài toán số học có lời văn với suy luận giải toán bằng cách lập phương trình	2025.SV.02	CN : Lê Thị Nguyệt Hà TV : Phạm Thùy Trang, Vũ Hồng Liên, Nguyễn Văn Tiến Đại, Nguyễn Văn Quang	ĐH Sư phạm Toán A (2023-2027)	TS. Khổng Chí Nguyễn	C
3.	Dạy học Toán 10 có sử dụng AI theo hướng phát triển năng lực tự học cho học sinh tại một số trường trung học phổ thông tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.03	CN: Phạm Ngọc Ánh TV: Nguyễn Thị Hải Hà Trần Văn Toàn	ĐHSP Toán B Khoá (2023 - 2027)	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	A
4.	Dạy học toán 6 theo hướng phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh thông qua trò chơi học tập với sự hỗ trợ của công cụ số	2025.SV.04	CN: Ma Thị Mai TV : Ma Thuý Thu TV : Hoàng Văn Dân	ĐHSP Toán B Khoá (2023-2027)	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	A
5.	Phát triển năng lực kể chuyện sáng tạo cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.05	CN : Đinh Thị Thu Uyên TV : La Thị Huệ	ĐH Mầm non B K10 Khoá (2023 - 2027), ĐH Mầm non D K10 Khoá (2023 - 2027)	ThS. Phạm Thị Xuân	Không đạt
6.	Biện pháp kiểm soát cảm xúc tiêu cực thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non	2025.SV.06	CN : Quan Thị Minh Lý TV : Ngô Thuý Hằng; Bùi Kim Ngân	ĐH Mầm non E K10 Khoá (2023 – 2027)	ThS. Bùi Khánh Ly	C
7.	Phát triển kỹ năng so sánh và phân loại cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động khám phá khoa học tại một số	2025.SV.07	CN : Đinh Vũ Ánh Nguyệt	ĐH Mầm non D K10 Khoá (2023 – 2027)	ThS. Nông Thị Huyền	C

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm/thành viên	Lớp, khoá	Giảng viên hướng dẫn	Xếp loại
	Trường Mầm non xã Lực Hành, tỉnh Tuyên Quang		TV : Quan Thuỳ Trang			
8.	Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 3-4 tuổi thông qua hoạt động khám phá khoa học tại Trường Mầm non	2025.SV.08	CN: Quan Thu Hoài TV: Nguyễn Mai Phương; Nguyễn Mai Chi	ĐH Mầm non D K10 Khoá (2023 - 2027)	ThS. Đinh Thị Lương	C
9.	Biện pháp luyện phát âm tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi người dân tộc thiểu số ở một số trường mầm non xã Đức Nhân, tỉnh Phú Thọ	2025.SV.09	CN: Nguyễn Thị Hồng Thắm TV: Bùi Tuyết Nhi	ĐH Mầm non C K10 Khoá (2023 - 2027)	TS. Vũ Thị Kiều Trang	A
10.	Phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động hình thành biểu tượng hình dạng ở một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2025.SV.10	CN: Nguyễn Phương Thảo TV: Hoàng Thị Kim Ánh	ĐH Mầm non C K10 Khoá (2023 - 2027)	ThS. Nguyễn Thị Hương	B
11.	Giáo dục kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi vận động ngoài trời ở một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.11	CN: Phạm Thị Giang TV: Nguyễn Thuý Hường	ĐH Mầm non B K10 Khoá (2023 - 2027)	ThS. Nguyễn Thị Vui	Đạt
12.	Phát triển kỹ năng quan sát cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động khám phá khoa học tại một số trường mầm non phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.12	CN: Lâm Thị Yến Chi TV: Hoàng Thị Thanh Hoa	ĐH Mầm non A K10 Khoá (2023 - 2027)	ThS. Vũ Thị Lan	B
13.	Biện pháp giáo dục hành vi bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho trẻ 4-5 tuổi tại Trường Mầm non Chân Sơn, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.13	CN: Lương Thị Thơm TV: Sa Thị Dương Liễu	ĐH Mầm non A K10 Khoá (2023 - 2027)	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	C
14.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp 3 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.14	CN: Vũ Thanh Hiền TV: Hà Công Huân; Lê Ngọc Linh; Quân Thị Phương Nhung	ĐH Tiểu học B Khoá (2023-2027)	TS. Vũ Thị Hương	A

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm/thành viên	Lớp, khoá	Giảng viên hướng dẫn	Xếp loại
15.	Rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 4 tại “Trường Tiểu học Phúc Ninh” (xã Xuân Vân, tỉnh Tuyên Quang) nhằm phát triển năng lực văn học	2025.SV.15	CN: Phạm Thị Hải Yến TV: Sài Thị Minh	ĐH Tiểu học B Khoá (2023-2027)	TS. Dương Thị Ngừ	C
16.	Giá trị nhân đạo trong truyện cổ tích Việt Nam với việc giáo dục phẩm chất đạo đức cho học sinh lớp 6	2025.SV.16	CN: Hà Ngọc Huyền TV: Vũ Ngọc Bảo Linh; Đào Thị Hồng Nhung; Trần Thị Thanh Thuỷ	ĐHSP Ngữ văn Khoá (2023-2027)	TS. Chu Thị Thuỷ Phương	C
17.	Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực đọc hiểu văn bản qua môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.17	CN : Phạm Thị Ánh Ngọc TV : Hoàng Phương Thảo; Nguyễn Mạnh Tú; Đỗ Văn Khải; Đặng Thị Ngân	ĐH Tiểu học B Khoá (2023-2027)	ThS. Nguyễn Thị Giang ; TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	A
18.	Thế giới nhân vật trong Truyện cổ tích Việt nam (Qua bộ sách Tiếng Việt tiểu học “Kết nối tri thức với cuộc sống”)	2025.SV.18	CN: Trần Trà My TV: Ma Thị Thảo Trang	ĐH Tiểu học C Khoá (2023-2027)	ThS. Phạm Thị Thu Huyền	C
19.	Tìm hiểu và phân tích biện pháp tu từ nhân hoá trong tập thơ Góc sân và khoảng trời của Trần Đăng Khoa	2025.SV.19	CN: Triệu Mai Anh TV: Nguyễn Thùy Châm; Nông Thị Kim Khánh; Nguyễn Thị Lan	ĐH Tiểu học A Khoá (2023-2027)	TS. Chu Thị Thuỷ Phương	C
20.	Xây dựng và sử dụng ngữ liệu đa phương thức trong dạy học đọc hiểu nhằm phát triển năng lực cảm thụ và biểu đạt cho học sinh lớp 3 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.20	CN: Phạm Huyền Trang TV: Hoàng Thị Ngọc Hương; Trần Thị Khánh Hòa; Bùi Thanh Trường; Tạ Thị Ngọc Ánh	ĐH Tiểu học F, ĐH Tiểu học A Khoá (2023-2027)	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	A
21.	Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn theo hướng phát triển năng lực cho học sinh lớp 3 tại Trường Tiểu học Trung Môn, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.21	CN: Bùi Thị Như Quỳnh TV: Hoàng Thị Bích Phượng; Hoàng Thị Thơm; Trần Phương Thảo	ĐH Tiểu học D Khoá (2023-2027)	ThS. Nguyễn Thị Giang	C
22.	Vận dụng trò chơi học tập trong dạy học môn	2025.SV.22	CN: Lê Quỳnh Hương TV: Nguyễn Thái Sơn;	ĐH Tiểu học E Khoá (2023-2027)	ThS. Phạm Thị	C

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm/thành viên	Lớp, khoá	Giảng viên hướng dẫn	Xếp loại
	Khoa học lớp 4, lớp 5 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		Nguyễn Thị Hoa Mai; Đào Thị Ngọc Lan; Hoàng Mai Trang		Huyền	
23.	Khai thác trò chơi ngôn ngữ trong dạy học Tiếng Việt ở bậc Tiểu học tại một số trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.23	CN: Vũ Thị Minh Tâm TV: Nguyễn Thị Bảo Ngọc; Trương Thị Minh Khuê; Triệu Thị Thu; Lê Ngọc Ánh	ĐH Tiểu học C Khoá (2023-2027)	TS. Vũ Thị Hương	B
24.	Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản đa phương thức cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Thắng Quân, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.24	CN: Lê Thị Mai Hương TV: Lương Thuỳ Linh; Quan Thị Thu Hiền	ĐH Tiểu học E Khoá (2023-2027)	ThS. Phạm Thị Liên	C
25.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo phát triển vốn từ vựng Tiếng Việt cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Trung Môn	2025.SV.25	- CN: Hoàng Thị Ánh Dương ; - TV : Hà Thị Ngọc Huyền; Chu Thị Hồng Hạnh ; Lò Mùi Phái	ĐH Tiểu học A, D Khoá (2023-2027)	TS. Hà Thị Chuyên	C
26.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế hoạt động khởi động nhằm nâng cao hiệu quả dạy đọc hiểu Ngữ văn 10 tại Trường THPT Xuân Huy	2025.SV.26	- CN: Hoàng Như Quỳnh; - TV: Hứa Ngọc Khánh; Hoàng Thùy Phương	ĐHSP Ngữ văn Khoá (2023-2027)	TS. Hà Thị Chuyên	A
27.	Tìm hiểu mối quan hệ giữa ngôn ngữ văn học với các loại hình nghệ thuật trong dạy học tiếng Việt lớp 5 tại Trường Tiểu học Hùng Vân, xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.27	CN: Ma Thị Ngọc Nhung TV: Hoàng Thị Thu Hoài	ĐH Tiểu học A Khoá (2023-2027)	TS. Dương Thị Ngữ	C
28.	Phát triển năng lực viết sáng tạo trong dạy học viết văn kể chuyện cho học sinh lớp 4 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.28	CN: Quan Diễm Quỳnh TV: Hoàng Khánh Nhi	ĐH Tiểu học E Khoá (2023-2027)	ThS. Phạm Thị Huyền	C
29.	Nghiên cứu mô hình phát hiện, nhận dạng và định vị đối tượng 3D trên bàn cho việc xác định thông tin cầm nắm đối tượng	2025.SV.29	CN : Chu Huy Nam TV : Hứa Thế Thành	ĐH CNTT Khóa (2023 - 2027)	PGS. TS. Lê Văn Hùng	A

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm/thành viên	Lớp, khoá	Giảng viên hướng dẫn	Xếp loại
30.	Nghiên cứu xây dựng bộ dự đoán âm vị tiếng nói tiếng Việt cho việc chuyển chữ thành tiếng nói hướng dẫn cầm nắm đối tượng	2025.SV.30	CN : Nông Xuân Quỳnh TV : Nguyễn Mạnh Thương;	ĐH CNTT Khóa (2024 - 2028)	PGS. TS. Lê Văn Hùng	A
31.	Biến đổi trong lễ cưới của người Cao Lan ở phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.32	CN: Nguyễn Thị Hải Anh, TV: Vũ Thanh Lan Hương	ĐH Quản lý Văn hóa Khóa (2024 - 2028)	ThS. Phạm Hồng Ngân	B
32.	Tìm hiểu nghệ thuật diễn xướng trong lễ hội rước Mẫu tại tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.33	CN :Trần Diệu Loan, TV: Hoàng Khánh Linh	ĐH Quản lý Văn hóa Khóa (2024 - 2028)	ThS. Nguyễn Thị Thanh Loan	Không đạt
33.	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong lễ cấp sắc của người Dao Quần Trắng tại xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.34	CN: Bàn Thị Thuý; TV: Phạm Thu Ngọc	ĐH Quản lý Văn hóa Khóa (2024 - 2028)	ThS. Bùi Tường Vân	B
34.	Bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống tại Làng văn hóa dân tộc Cao Lan thôn Động Sơn, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.35	CN: Hà Hải Yến	ĐH Quản lý Văn hóa Khóa (2023 - 2027)	TS. Nguyễn Thị Thanh Thảo	B
35.	Văn hóa truyền thống của người Mông Trắng xã Hùng Lợi, tỉnh Tuyên Quang trong bối cảnh hội nhập và phát triển.	2025.SV.36	CN: Đặng Quang Huy TV: Ma Thanh Toàn	ĐH Quản lý Văn hóa Khóa (2024 - 2028)	ThS. Hà Thu Huyền	C
36.	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể tại lễ hội Thành Tuyên, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.37	CN: Nguyễn Phương Đông TV: Nguyễn Huyền Trang	ĐH Quản lý Văn hóa Khóa (2024 - 2028)	ThS. Mai Thị Vân Hương	Đạt
37.	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong trò chơi dân gian của người Dao Tiền tại xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.38	CN: Nguyễn Mai Anh TV: Nguyễn Hoàng Anh	ĐH Quản lý Văn hóa Khóa (2024 - 2028)	TS. Phạm Thị Huyền Trang	C
38.	Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng tại làng văn hoá dân tộc Cao Lan thôn Động Sơn, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.39	CN : Phạm Quốc Anh	ĐH Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành Khóa (2024 -2028)	TS. Phạm Thị Huyền Trang	B

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm/thành viên	Lớp, khoá	Giảng viên hướng dẫn	Xếp loại
39.	Sự hài lòng của người bệnh về hoạt động công tác xã hội tại bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.40	CN: Hoàng Văn Quân	Đại học CTXH Khóa (2023-2027)	ThS. Chu Thị Mỹ Nga	B
40.	Nhận thức về bình đẳng giới trong gia đình của người dân xã Trung Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.41	CN: Hoàng Phạm Kim Oanh	Đại học CTXH Khóa (2023-2027)	TS. Hà Mỹ Hạnh	B
41.	Nhận thức về vấn đề tảo hôn của thanh thiếu niên xã Pồ Ly Ngải, Tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.42	CN: Nông Việt Đức TV: Sùng Văn Bằng	Đại học CTXH Khóa (2024 - 2028)	ThS. Hà Thị Minh Đức	Đạt
42.	Hoạt động công tác xã hội trong phòng tránh bạo lực học đường cho học sinh các trường THCS trên địa bàn xã Lực Hành, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.43	CN: Nguyễn Thị Phương TV: Nguyễn Thuỷ Dương	Đại học CTXH Khóa (2024 - 2028)	TS. Đoàn Thị Cúc	B
43.	Nhận thức về xâm hại tình dục trẻ em trên không gian mạng của học sinh trung học cơ sở phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.44	CN: Trần Văn Đức	Đại học CTXH Khóa (2024 - 2028)	ThS. Hà Thị Nguyệt	B
44.	Khó khăn tâm lý của bệnh nhân ung bướu Bệnh viện đa khoa Hùng Vương	2025.SV.45	CN: Trần Nữ Nguyệt Minh	Đại học CTXH Khóa (2024 - 2028)	TS. Mã Ngọc Thê	C
45.	Nghiên cứu hoạt tính chống ung thư và chống oxi hóa ứng dụng tạo sản phẩm trà túi lọc của cây com kia (<i>Elatostema tenuicaudatum</i>) tại xã Lâm Bình, Tuyên Quang	2025.SV.46	CN: Trần Văn Trung TV: Đỗ Hương Trà; Vũ Thị Thùy Trang; Bàng Quốc Phong; Trần Thị Mỹ Duyên	ĐH Dược học Khóa (2024-2029), ĐH Dược học Khóa (2023-2028), Lớp: QH.2022.DC - Trường ĐH Y Dược - ĐH Quốc Gia HN	TS. Trần Đức Đại	B
46.	Phân tích tình hình sử dụng thuốc trên bệnh nhân đái tháo đường typ 2 mắc kèm tăng huyết áp tại Trung tâm y tế khu vực Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2025	2025.SV.47	CN: Đồng Thị Vân Ly TV: Nguyễn Thị Lan Anh; Nguyễn Đại Cường; Hoàng Đức Toàn; Thảo A Hùng	ĐH Dược học Khóa (2023-2028), ĐH Dược học Khóa (2022 - 2027)	DSCK1. Nguyễn Thị Nguyệt	B

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm/thành viên	Lớp, khoá	Giảng viên hướng dẫn	Xếp loại
47.	Nghiên cứu xây dựng quy trình bảo chế trà túi lọc từ gừng (<i>Zingiber officinale</i>) và sả (<i>Cymbopogon citratus</i>) thu hái tại tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.48	CN: Nguyễn Hoàng Giang TV: Lê Thanh Phương; Bùi Thị Việt Hà; Bùi Xuân Thắng	ĐH Dược học Khóa (2022-2027), ĐH Dược học Khóa (2024-2029)	ThS. DSKL. Ngô Thanh Huyền	B
48.	Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về chăm sóc sức khỏe sinh sản và các yếu tố liên quan của sinh viên Khoa Y Dược Trường Đại học Tân Trào năm 2025	2025.SV.50	CN: Đặng Quang Linh TV: Trần Văn Khang; Trần Đoàn Hương Giang; Tạ Thị Huyền; Hà Thị Hương Na	ĐH Điều dưỡng Khóa (2023-2027), ĐH Điều dưỡng Khóa (2024-2028)	ThS. Ma Thị Ngọc Ánh	B
49.	Đánh giá tình hình sinh trưởng và tỷ lệ nuôi sống của giống gà Ri lai nuôi theo phương thức chuồng kín tại phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.51	CN: Hoàng Thị Thu Hà	ĐH Chăn nuôi thú y Khóa (2022-2026)	ThS. Phạm Thị Hoàn	B
50.	Phân tích báo cáo tài chính của Công ty TNHH Chè Biên Cương xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.52	CN : Phạm Thị Thùy Linh TV: Lương Thị Yến Chi; Nguyễn Khánh Huyền; Ma Thị Thu Hằng; Trần Thị Mỹ Hạnh	Đại học Kế toán K8 Khóa (2022-2026)	TS. Nguyễn Thị Kim Ngân	A
51.	Thực trạng tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV Hộ Nhâm CTH	2025.SV.53	CN : Nguyễn Yến Nhi TV: Trần Thị Thanh Loan; Ma Thanh Hoàn	Đại học Kế toán A K10 Khóa (2024-2028)	ThS. Nguyễn Thúy Hằng; TS. Nguyễn Thị Kim Ngân	B
52.	Nghiên cứu thực trạng phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững tại xã Thượng Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.54	CN: Giàng Huyền Phương TV: Vũ Như Ngọc	ĐH Kế toán A K10 Khóa (2024-2028)	ThS. Hoàng Anh Đào	A
53.	Ảnh hưởng của mạng xã hội đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Tân Trào	2025.SV.55	CN: Vũ Thanh Tuyền TV: Nông Quốc Tuấn	ĐH Kế toán A K10 Khóa (2024-2028)	ThS. Hoàng Anh Đào; ThS. Phạm Thanh Trà	A
54.	Nghiên cứu mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ viễn thông di động Viettel tại phường		CN: Lê Thị Hồng Hải TV: Đỗ Ngọc Ánh; Nguyễn Minh Diễm	ĐH Kế toán K9 Khóa (2023-2027) ĐH Kế toán K8	TS. Đỗ Hải Yến	A

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm/thành viên	Lớp, khoá	Giảng viên hướng dẫn	Xếp loại
	Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.56		Khoá (2022-2026)		
55.	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm online của sinh viên Trường Đại học Tân Trào	2025.SV.57	CN: Triệu Ánh Sao TV: Nguyễn Thu Huyền; Nguyễn Hương Giang	ĐH Kế toán B K10 Khoá (2024-2028)	TS. Đỗ Hải Yến	B
56.	Thực trạng áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi lợn của các hộ nông dân ở xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2025.SV.58	CN: Vũ Thu Hoài TV: Bùi Tạ Như Quỳnh; Đặng Hải Yến; Nguyễn Thị Thu Huyền; Lê Trường Vũ	ĐH Kế toán B K10 Khoá (2024-2028)	TS. Trần Thị Diên	A
57.	Nghiên cứu thực trạng sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên Trường Đại học Tân Trào	2025.SV.59	CN: Hà Thị Bích Diệp TV: Lý Đức Chuyên; Seo Thành Đạt; Vũ Thu Hoài	ĐH Kế toán B K10 Khoá (2024-2028)	ThS. Phạm Trung Nghĩa; ThS. Trần Hương Giang	B

(Ấn định danh sách có 57 đề tài)